

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

☆☆☆

HỢP ĐỒNG VAY VỐN**Số:/HĐVV/TVC-OT****Căn cứ:**

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt nam thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Doanh nghiệp năm 2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Nhu cầu thực tế và khả năng của các bên.

Hôm nay, ngày tại Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt, chúng tôi gồm:

I/ BÊN CHO VAY (BÊN A): ÔNG/BÀ

- Ngày sinh: Điện thoại:
- Số CMTND: Cấp ngày: Nơi cấp:
- Địa chỉ hộ khẩu thường trú:
- Địa chỉ liên hệ:

II/ BÊN VAY (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ TRÍ VIỆT

- Giấy phép hoạt động số: 0106065776 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp
- Địa chỉ: Số 142 Đội Cấn, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Thành Phố Hà Nội
- Điện thoại: 04.3722.4999 Fax: 04.6273.2058
- Người đại diện: **Đỗ Thanh Hà** Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Số tài khoản: 2121.000.266.2686 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Tây Hồ
- Số tài khoản: 1006364600 mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - CN Hà Nội
- Số tài khoản: 213422289 mở tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Thăng Long
- Số tài khoản: 0341100208007 mở tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Ba Đình

Hai bên thống nhất việc Bên A cho Bên B vay tiền theo nội dung thỏa thuận dưới đây:

Điều 1/ Phương thức cho vay, số tiền cho vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay:

1.1 Phương thức cho vay: Chuyển tiền 01 lần bằng cách nộp tiền/chuyển khoản vào tài khoản của Bên B
 Nội dung chuyển tiền: **Họ tên Bên Cho vay:..... CMND:..... Điện thoại:..... nộp tiền**
HĐVV kỳ hạn.....tháng

1.2 Số tiền vay: đồng. (Bằng chữ:.....)

1.3 Lãi suất vay:%/năm (lãi suất vay sau thuế TNCN :% / năm)

1.4 Tiền lãi vay: được tính theo dư nợ vay thực tế, số ngày vay thực tế và lãi suất vay

$$\text{Tiền lãi vay} = (\text{Dư nợ tiền vay thực tế} \times \text{Số ngày vay thực tế} \times \text{Lãi suất vay}) / 360$$

1.5 Thời hạn vay: kể từ ngày Bên B nhận được đầy đủ số tiền vay (từ ngày.....đến.....)

1.6 Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ hoạt động kinh doanh của Bên B.

Điều 2/ Phương thức thanh toán tiền lãi vay và số tiền vay:

2.1 Kỳ hạn thanh toán tiền lãi vay:

2.2 Kỳ hạn thanh toán số tiền vay: Trả vào cuối kỳ khi hết thời hạn vay

Nếu ngày thanh toán số tiền vay trùng ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Bên B sẽ thanh toán cho Bên A số tiền vay vào ngày làm việc liền kề trước ngày nghỉ, ngày lễ, Tết đó và số tiền vay được hưởng lãi đến ngày thanh toán thực tế.

2.3 Phương thức thanh toán tiền lãi vay và số tiền vay:

2.3.1 Bằng tiền mặt tại Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Trí Việt

2.3.2 Chuyển khoản vào tài khoản của Bên Cho Vay như sau:

Chủ tài khoản:

Số tài khoản: Tại Ngân hàng.....

2.3.3 Chuyển theo số CMND của Bên Cho Vay về Ngân hàng.....

Điều 3/ Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

3.1. Bên A được rút trước hạn một phần hoặc toàn bộ số tiền vay. Trong trường hợp này, Bên A phải thông báo trước cho Bên B ít nhất 05 (năm) ngày làm việc. Bên A được hưởng lãi suất rút trước hạn là%/năm (Lãi suất rút trước hạn sau thuế TNCN là ...%/năm) tính trên thời gian Bên A cho vay thực tế và số tiền vay mà Bên A đề nghị rút trước hạn. Bên A sẽ phải hoàn trả lại cho Bên B số tiền chênh lệch (nếu có) giữa lãi suất đã được nhận tương ứng với số tiền vay Bên A đề nghị rút trước hạn và lãi suất rút trước hạn. Số tiền chênh lệch này (nếu có) sẽ được Bên B khấu trừ từ số tiền vay Bên B phải trả lại cho Bên A. Đối với số tiền vay còn lại (nếu có), vào ngày kết thúc thời hạn Hợp đồng, Bên A vẫn được hưởng lãi suất theo quy định tại Khoản 1.3 Điều 1 của Hợp đồng.

3.2 Khi hết thời hạn vay trên Hợp đồng vay vốn mà Bên A yêu cầu gia hạn, Bên B vẫn có nhu cầu vay thì khoản vay sẽ được tự động gia hạn với kỳ hạn bằng kỳ hạn ban đầu của Hợp đồng và không hạn chế số lần gia hạn với lãi suất vay theo quy định của Bên B tại thời điểm gia hạn. Bên B sẽ gửi Thông báo về việc gia hạn Hợp đồng cho Bên A theo địa chỉ liên hệ Bên A đã đăng ký.

3.3 Gia hạn nợ gốc, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc, kỳ hạn nhận lãi tiền vay.

3.4 Thực hiện đúng thỏa thuận trong Hợp đồng này.

3.5 Bên A cam kết số tiền cho vay theo Hợp đồng này không phải là đối tượng tranh chấp hay bị ràng buộc bởi Bên thứ ba.

Điều 4/ Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

4.1 Từ chối yêu cầu của Bên A không đúng với các thỏa thuận trong Hợp đồng này.

4.2 Sử dụng tiền vay đúng mục đích và thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này.

4.3 Trả nợ gốc và tiền lãi vay theo thỏa thuận trong Hợp đồng này.

4.4 Bên B chịu trách nhiệm khấu trừ và kê khai thuế TNCN phát sinh từ tiền lãi vay với tỷ lệ 5% hoặc một tỷ lệ khác (nếu có) theo quy định pháp luật vào thời điểm trả tiền lãi vay.

4.5 Chịu trách nhiệm trước Pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về việc trả nợ vay.

Điều 5/ Sửa đổi, bổ sung, chuyển nhượng Hợp đồng

5.1 Trường hợp quy định tại Khoản 3.2 Điều 3, khi một trong hai bên muốn có sự thay đổi nội dung Điều, Khoản nào của Hợp đồng này thì gửi đề xuất tới Bên kia bằng Văn bản. Nếu Bên kia chấp thuận, hai bên sẽ ký bổ sung Điều, Khoản thay đổi đó bằng một phụ lục. Phụ lục đó là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

5.2 Trường hợp chuyển nhượng Hợp đồng này phải được hai bên cùng thỏa thuận bằng văn bản phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

Điều 6/ Cam kết chung

6.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng các Điều, Khoản của Hợp đồng. Nếu có tranh chấp hai bên sẽ giải quyết bằng thương lượng dựa trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi. Trường hợp không thể giải quyết bằng thương lượng, các Bên đều có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án nhân dân có thẩm quyền.

6.2 Hai bên cam kết bảo mật Hợp đồng này. Đồng thời không được sử dụng Hợp đồng này vào bất kỳ mục đích nào khác nếu không được hai bên đồng ý bằng văn bản. Những điều hai bên không thỏa thuận sẽ được áp dụng theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

6.3 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày Bên B nhận được tiền vay và được tự động thanh lý khi hai Bên đã hoàn thành đầy đủ mọi quyền và nghĩa vụ của mình quy định trong Hợp đồng. Hai bên trong tình trạng không bị ép buộc, đủ năng lực hành vi, đủ thẩm quyền theo quy định của pháp luật đã cùng nhau tự nguyện thỏa thuận các nội dung trong Hợp đồng này.

6.4 Hợp đồng này gồm 6 (sáu) Điều 2 (hai) trang được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.

BÊN A

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN B

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)